

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐỖ ĐÔ THÀNH

**HÀNG GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO QUY ĐỊNH
CỦA LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật dân sự

Mã số : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS Nguyễn Thị Quế Anh

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014.

**Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ	7
1.1. Khái quát chung về quyền sở hữu trí tuệ và hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	7
1.1.1. Khái quát chung về quyền sở hữu trí tuệ	7
1.1.2. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	20
1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	27
1.2.1. Khái niệm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	27
1.2.2. Đặc điểm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	33
1.2.3. Các dạng hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	34
1.3. Tương quan giữa hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ với hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	35
1.4. Tương quan giữa hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ và hàng hóa chứa dấu hiệu cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ	39
1.5. Ý nghĩa của việc xử lý hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	41
1.6. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật Việt Nam về hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ	44
Chương 2: CÁC QUY ĐỊNH VỀ HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH	49
2.1. Các loại hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	49
2.2. Xác định hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ	52

2.2.1. Hàng hóa giả mạo về quyền tác giả	53
2.2.2. Hàng hóa giả mạo về quyền liên quan	59
2.2.3. Hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý	64
2.3. Xử lý hành vi làm giả mạo về sở hữu trí tuệ	76
2.3.1. Xử lý bằng biện pháp dân sự	77
2.3.2. Xử lý bằng một số biện pháp khác	92
Chương 3: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ	105
3.1. Thực trạng hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam	105
3.1.1. Số lượng vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	106
3.1.2. Tính chất và mức độ vi phạm	110
3.1.3. Thực trạng xử lý vi phạm	111
3.2. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày càng gia tăng	111
3.3. Kiến nghị hoàn thiện một số quy định của pháp luật liên quan đến xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong đó bao gồm cả những quy định về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	114
3.3.1. Kiến nghị thứ nhất, cần có những quy định cụ thể hơn về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	115
3.3.2. Kiến nghị thứ hai, cần có hướng dẫn về việc bãi bỏ điều kiện gửi thư cảnh báo đến bên có hành vi vi phạm trong nghị định hoặc thông tư	116
3.3.3. Kiến nghị thứ ba, cần có những quy định cụ thể hơn nữa trong việc xác định thương thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra	116
3.3.4. Kiến nghị thứ tư, quy định trách nhiệm rõ ràng giữa các cơ quan thực thi pháp luật	117
3.3.5. Kiến nghị thứ năm, cần thành lập Tòa án chuyên trách về sở hữu trí tuệ	118
KẾT LUẬN	119
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	121

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức Thương mại thế giới. Trong xu thế hội nhập chung vào nền kinh tế toàn cầu, sở hữu trí tuệ (SHTT), ở bất kỳ một quốc gia nào cho dù là quốc gia có nền kinh tế phát triển hùng mạnh hay ở những quốc gia có nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, sẽ đóng một vai trò hết sức quan trọng bởi đơn giản nó là một trong những cấu thành của kinh tế tri thức - nền kinh tế được nhận định và đánh giá là sẽ quyết định đến sự phát triển lớn mạnh và bền vững của từng quốc gia cũng như nền kinh tế toàn cầu trong một tương lai không xa.

Nhận thức được tầm quan trọng của SHTT đối với sự hội nhập và phát triển của đất nước nên trong nhiều năm qua đặc biệt là trong khoảng thời gian từ năm 2001-2010, Nhà nước ta đã vạch ra một trong các mục tiêu và chiến lược để đưa đất nước phát triển. Đó là: chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nước ta và bảo đảm thực hiện những cam kết trong quan hệ song phương và đa phương như Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, tiến tới gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Từ mục tiêu và chiến lược nêu trên, những năm gần đây, SHTT thực sự đã và đang dần có những bước phát triển khá mạnh mẽ cả về mặt xác lập và thực thi quyền ở Việt Nam. Một trong những minh chứng rõ nét nhất cho sự phát triển này chính là việc nhà nước ta đã ban hành một loạt các văn bản về SHTT để một mặt xây dựng một bộ khung pháp lý đầy đủ và vững chắc giúp chúng ta tạo tiền đề để có thể hội nhập sâu và rộng hơn vào nền kinh tế thế giới, mặt khác sẽ giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các chủ thể quyền sở hữu và người sử dụng hợp pháp các đối tượng SHTT có thể quản lý và bảo vệ tốt hơn quyền SHTT của mình. Qua việc chọn đề tài này làm luận văn tốt nghiệp sẽ giúp cho tác giả có điều kiện tìm hiểu và nghiên cứu sâu hơn và đầy đủ hơn về các quy định hiện hành của pháp Luật SHTT Việt Nam về lĩnh vực SHTT nói chung và những quy định của pháp luật về

hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng qua đó sẽ giúp cho tác giả có một cái nhìn khái quát và toàn diện hơn về hệ thống pháp luật SHTT hiện hành cũng như thực trạng thực thi quyền SHTT ở Việt Nam về lĩnh vực tác giả đang nghiên cứu này.

Về mặt xây dựng hệ thống pháp luật về SHTT, qua thực tiễn nghiên cứu và tìm hiểu các quy định của pháp luật về SHTT của Việt Nam, tác giả nhận thấy một trong những điểm hạn chế và bất cập trong các văn bản pháp luật về SHTT trước khi Quốc hội ban hành Luật SHTT năm 2005 đó là chưa có sự phân định thật sự rõ ràng giữa hàng hóa giả mạo về SHTT và hàng hóa xâm phạm quyền SHTT mà thay vào đó là việc đánh đồng hai loại hàng hóa này cùng với các hàng hóa giả mạo khác bằng việc quy định về hàng giả nói chung (ví dụ như hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, kiểu dáng; hàng giả về chất lượng, công dụng...). Chính điều này đã ít nhiều gây nên sự khó khăn trong việc xác định và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT cho cả cơ quan thực thi pháp luật cũng như các chủ thể quyền SHTT. Kể từ khi Luật SHTT năm 2005 ra đời và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2006 sau đó được sửa đổi và bổ sung một số điều vào năm 2009 (Luật SHTT), cũng như một số văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành luật này được ban hành đã có những quy định khá cụ thể về hàng hóa giả mạo về SHTT và hàng hóa xâm phạm quyền SHTT. Sự quy định cụ thể này đã phần nào giải quyết được những bất cập trước đây đặc biệt là sẽ giúp cho các cơ quan thực thi pháp luật có thể giải quyết nhanh và xử lý đúng với tính chất và mức độ của các hành vi xâm phạm quyền SHTT nhằm bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp quyền SHTT. Mặc dù vậy, qua thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về hàng hóa giả mạo về SHTT cho thấy, không phải ai đọc các văn bản pháp luật về SHTT cũng có thể dễ dàng nhận ra ranh giới của sự khác biệt giữa hàng hóa giả mạo về SHTT và hàng hóa xâm phạm về SHTT, kể cả những người đang công tác trong lĩnh vực SHTT. Do vậy, việc chọn đề tài này làm luận văn tốt nghiệp, một mặt sẽ giúp cho chính tác giả có thể tìm hiểu cũng như phân biệt được ranh giới của hai loại hàng hóa này, mặt khác sẽ cung cấp thêm một nguồn

tài liệu tham khảo cho những ai quan tâm đến lĩnh vực SHTT về hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói chung và hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng.

Dưới góc độ thực tế áp dụng và thực thi quyền SHTT, tác giả nhận thấy trong những năm gần đây tình trạng sản xuất, buôn bán hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói chung và hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng ngày càng gia tăng ở Việt Nam cả về tính chất và quy mô vi phạm. Nạn sản xuất, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT không chỉ gây thiệt hại cũng như có ảnh hưởng xấu về nhiều mặt cho người tiêu dùng, cho các chủ sở hữu có quyền SHTT bị xâm phạm mà còn có tác dụng tiêu cực đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Do đó, việc chọn đề tài này làm luận văn tốt nghiệp sẽ giúp cho tác giả có thể tìm hiểu sâu hơn đến tác hại của nạn sản xuất, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT, qua đó sẽ đóng góp một số ý kiến góp phần ngăn chặn tệ nạn này.

Ngoài ra, tác giả nhận thấy thực tiễn áp dụng các quy định của Luật SHTT trong việc xác định và xử lý hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT còn có một số vướng mắc và khó khăn cho cả cơ quan thực thi pháp luật cũng như cho các chủ sở hữu và người sử dụng hợp pháp các đối tượng SHTT. Do đó, việc chọn đề tài này làm luận văn tốt nghiệp sẽ giúp cho tác giả có điều kiện chỉ ra những khó khăn và vướng mắc được tác giả nhận thấy thông qua quá trình tác nghiệp, qua đó sẽ đề xuất một số giải pháp để có thể giải quyết những khó khăn này.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài này tại Việt Nam

Theo tìm hiểu chủ quan của tác giả, tính đến thời điểm tác giả chọn đề tài này làm luận văn tốt nghiệp, cũng có một số công trình nghiên cứu khoa học dưới dạng luận văn tốt nghiệp, bài viết có liên quan đến lĩnh vực hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHTT.

Một số công trình nghiên cứu dưới dạng luận văn tốt nghiệp có thể kể đến như: *Đấu tranh phòng chống tội làm hàng giả, tội buôn bán hàng giả ở Việt Nam hiện nay* (Luận văn thạc sĩ Luật học của Đỗ Thị Lan, Trường Đại học Luật Hà Nội, 1998); *Đánh giá yếu tố xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của hàng giả trong hoạt động của quản lý thị trường* (Luận văn thạc sĩ Luật học của Chu Thị Thu Hương, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2006); *Bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam* (Khóa

luận tốt nghiệp của Đinh Thị Thúy Vân, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2011)...

Một số công trình nghiên cứu khoa học dưới dạng bài viết có liên quan đến đề tài của tác giả có thể kể đến như: *Nâng cao vai trò của Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ*, của TS. Nguyễn Thị Quế Anh, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004; *Hoạt động thực thi quyền tác giả trên địa bàn thành phố Hà Nội*, đăng trên Tạp chí SHTT của Hội SHTT Việt Nam, số 39 năm 2004, của tác giả Phan Đăng Long...

Tuy nhiên, tác giả nhận thấy chưa có một công trình nghiên cứu khoa học nào đi sâu vào phân tích một cách có hệ thống về hàng hóa giả mạo về SHTT theo quy định của pháp luật Việt Nam. Do đó, việc tác giả chọn đề tài "*Hàng giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam*" làm luận văn tốt nghiệp sẽ không bị trùng lặp với các công trình nghiên cứu tương tự trước đó đã được công bố trước đó.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về hàng hóa giả mạo về SHTT cũng như phân tích thực trạng áp dụng và xử lý hàng hóa giả mạo về SHTT ở Việt Nam, tác giả sẽ đề xuất, kiến nghị một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn về hệ thống các quy định của pháp luật về hàng hóa giả mạo về SHTT cũng như một số biện pháp nhằm góp phần ngăn chặn và xử lý hiệu quả hơn đối với các hành vi sản xuất, buôn bán loại hàng hóa này qua đó góp phần xây dựng một môi trường SHTT ngày một trong sạch và lành mạnh hơn ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Chọn đề tài này làm luận văn tốt nghiệp, tác giả đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về hàng hóa giả mạo về SHTT.
- Phân tích hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam về SHTT liên quan hàng hóa giả mạo về SHTT từ đó đặt ra những vấn đề, nội dung bắt cấp cần được khắc phục, sửa đổi, bổ sung.
- Đề ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về hàng hóa giả mạo về SHTT, hàng hóa xâm phạm quyền SHTT.

4. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng chính mà đề tài hướng đến nghiên cứu là các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về SHTT liên quan đến hàng hóa giả mạo về SHTT, thực tiễn áp dụng các quy định của pháp Luật SHTT trong việc xác định và xử lý hàng hóa giả mạo về SHTT của các cơ quan thực thi pháp luật.

5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Trong phạm vi của một luận văn thạc sĩ, tác giả chủ yếu tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận của hệ thống pháp luật Việt Nam về SHTT liên quan đến hàng hóa giả mạo về SHTT cùng với việc đánh giá thực trạng áp dụng và thực thi các quy định của pháp luật của các cơ quan chức năng cũng như của các chủ thể quyền SHTT có liên quan đến loại hàng hóa này.

6. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn của tác giả được viết dựa theo các cơ sở lý luận là các thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý như: lịch sử pháp luật, lý luận về pháp luật, xã hội học pháp luật, luật hình sự, tội phạm học, sách chuyên khảo và các bài đăng trên tạp chí của các nhà khoa học - luật gia Việt Nam và nước ngoài. Bên cạnh đó, để góp phần phân tích khoa học nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về hàng hóa giả mạo về SHTT trong quá trình viết luận văn, tác giả còn sử dụng phương pháp phân tích pháp luật.

Luận văn của tác giả đã sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp phân tích, so sánh, quy nạp, thống kê... để tiếp cận, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn có trong đề tài.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Về mặt lý luận:

- Thông qua việc nghiên cứu lịch sử phát triển các quy định của pháp luật về hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, hàng hóa giả mạo về SHTT, luận văn sẽ góp phần làm sáng tỏ tính kế thừa và phát triển của các quy định pháp luật về vấn đề có liên quan này;

- Luận văn cũng góp phần hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, hàng giả và hàng hóa giả mạo về SHTT.

Về mặt thực tiễn:

- Luận văn sẽ đóng góp một cái nhìn toàn cảnh về thực trạng áp dụng và thực thi các quy định của pháp luật về hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, hàng giả nói chung và hàng hóa giả mạo về SHTT của các chủ thể quyền SHTT cũng như của các cơ quan thực thi pháp luật để từ đó có thể chỉ ra được những quy định còn bất cập, chưa hợp lý để đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung;

- Ngoài ra, thông qua đề tài nghiên cứu này luận văn sẽ đóng góp một cái nhìn toàn cảnh về thực trạng sản xuất, kinh doanh về hàng hóa giả mạo về SHTT của Việt Nam. Qua đó có thể chỉ ra những tác hại của loại hàng hóa này đối với sức khỏe và nền kinh tế quốc gia để đề xuất những giải pháp để phòng ngừa và ngăn chặn tệ nạn này.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ.

Chương 2: Các quy định về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ theo pháp luật hiện hành.

Chương 3: Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện một số quy định của pháp luật Việt Nam về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1.1. Khái quát chung về quyền sở hữu trí tuệ và hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

1.1.1.1. Khái quát chung về quyền sở hữu trí tuệ

1.1.1.1.1. Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ

Trên cơ sở phân tích nội hàm và phạm vi của loại tài sản là quyền SHTT, tác giả đưa ra khái niệm quyền SHTT dưới góc độ pháp lý như sau: *Quyền SHTT là quyền đối với những tài sản trí tuệ được con người sáng tạo ra từ*

Formatted: Bullets and Numbering

hoạt động tư duy, hoạt động sáng tạo, đầu tư của mình và thành quả của hoạt động sáng tạo, đầu tư đó được pháp luật thừa nhận và bảo hộ.

1.1.1.2. Phân loại quyền sở hữu trí tuệ

Trên cơ sở xem xét các quy định của Luật SHTT về các lĩnh vực quyền SHTT và các đối tượng quyền SHTT cụ thể, tác giả phân loại quyền SHTT như sau:

- Quyền tác giả: là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

- Quyền liên quan: là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

- Quyền sở hữu công nghiệp (SHCN): bao gồm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh, quyền chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh và các quyền SHCN khác do pháp luật quy định.

- Quyền đối với giống cây trồng: là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

1.1.1.3. Đặc điểm quyền sở hữu trí tuệ

Quyền SHTT có các đặc điểm sau đây:

- Quyền SHTT mang tính chất vô hình;

- Quyền SHTT bị giới hạn về thời hạn bảo hộ;

- Quyền SHTT bị giới hạn về không gian bảo hộ;

- Nội dung SHTT thường bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.

Chủ sở hữu quyền

SHTT có quyền độc quyền sử dụng đối tượng SHTT dưới những hình thức do pháp luật quy định.

1.1.1.4. Cơ chế xác lập quyền sở hữu trí tuệ

Mục này tác giả phân tích những vấn đề cơ bản về căn cứ các lập quyền SHTT, những quy định hiện hành của pháp luật về việc xác lập quyền SHTT. Căn cứ xác lập quyền SHTT được pháp luật quy định dựa trên đặc

điểm và tính chất đặc thù của từng loại đối tượng SHTT. Quyền SHTT đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan, được phát sinh trên cơ sở tự động. Quyền SHTT đối với các đối tượng SHCN được chia làm hai loại trong đó có một số loại đối tượng SHCN phát sinh trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký, một số đối tượng được phát sinh sau khi đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Quyền SHTT đối với đối tượng giống cây trồng được xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký.

1.1.1.5. Lợi ích của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Trên cơ sở phân tích các giá trị vật chất và tinh thần do quyền SHTT mang lại cho con người, tác giả nhận thấy việc bảo hộ quyền SHTT có ý nghĩa vô cùng to lớn đó là:

- Thúc đẩy hoạt động sáng tạo của con người;

- Góp phần tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh;

- Thúc đẩy sự phát triển của hoạt động xuất khẩu hàng hóa.

1.1.2. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Trên cơ sở phân tích bản chất của hành vi xâm phạm quyền SHTT, tác giả đưa ra khái niệm về hành vi xâm phạm quyền SHTT dưới góc độ pháp lý như sau: hành vi xâm phạm quyền SHTT là việc sử dụng các đối tượng SHTT đang được bảo hộ mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu các đối tượng SHTT, trừ các trường hợp được phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong mục này, tác giả phân tích các lý do dẫn đến hành vi xâm phạm quyền SHTT, trong đó nguyên nhân chủ yếu là vì mục đích lợi nhuận, nhằm trốn tránh các nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước, trốn tránh việc đóng tiền bảo hiểm cho người lao động, và không phải đầu tư nhiều kinh phí sản xuất.

Đồng thời tác giả cũng trình bày các hành vi xâm phạm quyền SHTT bao gồm hành vi xâm phạm quyền tác giả, hành vi xâm phạm quyền liên quan, và hành vi xâm phạm quyền SHCN.

1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ

1.2.1. Khái niệm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ

Qua phân tích, tác giả luận văn đưa ra khái niệm về hàng hóa xâm phạm quyền SHTT và khái niệm về hàng hóa giả mạo về SHTT dưới góc độ pháp lý như sau:

- Hàng hóa xâm phạm quyền SHTT là loại hàng hóa, dịch vụ có chứa một hoặc một số dấu hiệu bị coi là có sự tương tự gây nhầm lẫn với các đối tượng SHTT đang được pháp luật bảo hộ hoặc việc lưu hành hàng hóa bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người kiểm soát hợp pháp bí mật kinh doanh; Các loại hàng hóa, dịch vụ này được sản xuất, cung cấp ra thị trường nhằm mục đích khiến cho người tiêu dùng bị nhầm lẫn với các loại hàng hóa, dịch vụ chính hãng nhằm lợi dụng uy tín để trục lợi hoặc nhằm chống lại các biện pháp bảo mật của người kiểm soát hợp pháp bí mật kinh doanh.

- Hàng hóa giả mạo về SHTT bao gồm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và giả mạo chỉ dẫn địa lý (gọi là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu) và hàng hóa sao chép lậu. Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu là hàng hóa, bao bì của hàng hóa có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý; hàng hóa sao chép lậu là bản sao được sản xuất mà không được phép của chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan.

1.2.2. Đặc điểm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ

Trong mục này, tác giả phân tích hàng hóa giả mạo về SHTT có các đặc điểm như sau: đối tượng SHTT bị làm giả mạo phải là những đối tượng được pháp luật bảo hộ; chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm luôn có lỗi cố ý; mức độ gây thiệt hại của hành vi làm giả mạo hàng hóa giả mạo về SHTT thường là lớn.

1.2.3. Các dạng hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ

Trong mục này, tác giả phân loại hàng hóa giả mạo về SHTT dựa theo các tiêu chí khác nhau như là: hàng hóa giả mạo về SHTT có thể được phân loại theo lĩnh vực bảo hộ quyền SHTT; hoặc hàng hóa giả mạo về SHTT có thể

được phân loại theo hình thức hàng giả và hàng thật; hoặc hàng hóa giả mạo về SHTT có thể được phân loại theo từng đối tượng SHTT cụ thể được bảo hộ.

1.3. Tương quan giữa hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ với hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Trong mục này, tác giả phân tích tương quan giữa hàng hóa giả mạo với hàng hóa xâm phạm quyền SHTT dựa trên các tiêu chí như là:

- Về phạm vi đối tượng: hàng hóa giả mạo về SHTT có phạm vi đối tượng rộng hơn hàng hóa xâm phạm quyền SHTT;

- Về tính chất và mức độ xâm phạm: chủ thể có hành vi sản xuất, kinh doanh, buôn bán... loại hàng hóa giả mạo về SHTT thường là nguy hiểm và nghiêm trọng hơn so với chủ thể có hành vi sản xuất, kinh doanh, buôn bán... hàng hóa xâm phạm quyền SHTT. Điều này được thể hiện qua các phương diện: mức độ lỗi của chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm; và mức độ gây thiệt hại.

1.4. Tương quan giữa hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ và hàng hóa chứa dấu hiệu cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ

Trong mục này tác giả phân tích tương quan hàng hóa giả mạo với hàng hóa chứa dấu hiệu cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến SHTT dựa trên các tiêu chí sau đây:

- Về điều kiện áp dụng pháp luật: Để có thể đề nghị cơ quan chức năng xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT, trong đó có hành vi sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về SHTT theo quy định của Luật SHTT thì quyền SHTT của người yêu cầu phải đã được pháp luật bảo hộ. Tuy nhiên, trong lĩnh vực cạnh tranh, việc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh, không phụ thuộc vào việc dấu hiệu chỉ dẫn gây nhầm lẫn đó đã được đăng ký quyền SHTT hay chưa nên người yêu cầu có thể đề nghị cơ quan chức năng xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh khi có căn cứ theo như quy định của pháp luật cạnh tranh.

- Về yếu tố chủ thể: Trong lĩnh vực cạnh tranh không lành mạnh, các chủ thể phải là những tổ chức, cá nhân có cùng ngành nghề kinh doanh với nhau hoặc liên quan đến nhau. Tuy nhiên, trong lĩnh vực SHTT, giữa chủ thể quyền SHTT và chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm có thể có liên quan đến nhau nhưng cũng có thể không có liên quan đến nhau.

Formatted: Bullets and Numbering

Formatted: Bullets and Numbering

- Về yếu tố lỗi: Đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT, trong đó có hành vi sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về SHTT, lỗi không phải là yếu tố bắt buộc cấu thành hành vi vi phạm. Tuy nhiên, trong lĩnh vực cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến SHTT, lỗi lại được coi là yếu tố bắt buộc.

1.5. Ý nghĩa của việc xử lý hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ

Mục này tác giả phân tích các ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xử lý hàng hóa giả mạo về SHTT. Đồng thời đưa ra nhận định, việc xử lý hàng hóa giả mạo về SHTT có các ý nghĩa to lớn như sau: giúp ngăn ngừa hành vi xâm phạm có thể xảy ra; giúp chủ sở hữu quyền SHTT có thể đòi bồi thường thiệt hại và tránh bị thiệt hại về kinh tế trong tương lai; giúp cho người tiêu dùng không bị ảnh hưởng xấu; giúp người tiêu dùng không bị tổn thất về tài chính; giúp nâng cao uy tín của các nhà đầu tư.

1.6. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật Việt Nam về hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ

Trong mục này, tác giả trình bày sơ lược và so sánh vắn tắt các quy định của pháp luật về hàng giả nói chung và hóa giả mạo về SHTT trong các văn bản pháp luật của Nhà nước ta qua các thời kỳ. Đồng thời tác giả cũng đưa ra nhận xét về các quy định của pháp luật Việt Nam về hàng hóa giả mạo về SHTT để qua đó nhận thấy ở các giai đoạn khác nhau, các nhà làm luật của Việt Nam cũng đưa ra các quy định không giống nhau về hàng hóa giả mạo về SHTT.

Chương 2

CÁC QUY ĐỊNH VỀ HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH

2.1. Các loại hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ

Trong mục này, tác giả phân tích, nhận định và đưa ra các ví dụ minh họa về các loại hàng hóa giả mạo về SHTT theo như quy định của pháp luật và thực tiễn ở Việt Nam, cụ thể là:

- Hàng hóa giả mạo về SHTT sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của hàng thật;

- Hàng hóa giả mạo về SHTT sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và kiểu dáng bao bì của chính hàng thật; và

- Hàng hóa giả mạo về SHTT là những sản phẩm sao chép lậu.

Đồng thời tác giả cũng đưa ra các đánh giá về tính chất và mức độ xâm phạm của hai loại hàng hóa giả mạo về SHTT nói trên.

2.2. Xác định hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ

Trong mục này tác giả trình bày các căn cứ pháp lý để xác định hàng hóa giả mạo về SHTT. Để có thể xác định được một loại hàng hóa nào đó có phải là hàng hóa giả mạo về SHTT hay không, thì cần phải dựa vào cả bốn điều kiện luật định đó là:

(i) Đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi các đối tượng đang được bảo hộ quyền SHTT không;

(ii) Có yếu tố xâm phạm trong đối tượng bị xem xét;

(iii) Người thực hiện hành vi xâm phạm không thuộc các trường bị loại trừ không;

(iv) Hành vi bị xem xét xảy ra tại Việt Nam.

2.2.1. Hàng hóa giả mạo về quyền tác giả

2.2.1.1. Xác định đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả

Trong mục này, tác giả phân tích và đưa ra các ví dụ minh họa để xác định đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả là như thế nào. Để xác định được việc này, cần phải dựa vào các căn cứ sau đây:

- Về loại hình tác phẩm. Đối tượng xem xét phải là những đối tượng được bảo hộ quyền tác giả được quy định trong các văn bản pháp luật về SHTT.

- Về không gian bảo hộ quyền tác giả: Không gian bảo hộ quyền tác giả được phải được xác định theo đơn vị quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi các đối tượng quyền tác giả được bảo hộ theo như quy định của Luật SHTT và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cụ thể là Công ước Bern.

- Về thời hạn bảo hộ quyền tác giả: Theo quy định của Luật SHTT, thời gian bảo hộ quyền tác giả bao gồm thời gian bảo hộ quyền nhân thân và thời gian bảo hộ quyền tài sản. Tuy nhiên, chỉ có các quyền tài sản, cụ thể là

quyền sao chép tác phẩm mới có thể là đối tượng bị làm giả mạo. Các trường hợp khác, chỉ bị coi là hàng hóa xâm phạm quyền tác giả.

2.2.1.2. Xác định yếu tố giả mạo quyền tác giả

Trong mục này tác giả phân tích căn cứ để xác định yếu tố giả mạo quyền tác giả là như thế nào. Các sản phẩm nào được coi là hàng hóa giả mạo về SHTT, sản phẩm nào là hàng hóa xâm phạm quyền SHTT. Thế nào là bản sao tác phẩm được tạo ra một cách trái phép.

Theo quy định của Luật SHTT, chỉ có các sản phẩm là bản sao tác phẩm được tạo ra một cách trái phép và phần tác phẩm bị trích đoạn, sao chép, lắp ghép trái phép mới bị coi là hàng hóa giả mạo về quyền tác giả, các trường hợp còn lại chỉ bị coi là hàng hóa xâm phạm quyền tác giả. Bản sao tác phẩm được tạo ra một cách trái phép được hiểu là những bản sao được thực hiện nhưng không thuộc các trường hợp giới hạn quyền tác giả, mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm.

2.2.1.3. Xác định chủ thể thực hiện hành vi vi phạm

Trong mục này, tác giả trình bày và phân tích cách thức xác định chủ thể thực hiện hành vi vi phạm. Các chủ thể này không bao gồm các chủ thể sau đây: tác giả (hoặc đồng tác giả nếu có) đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm; người được thừa kế quyền tác giả, hoặc là người nhận chuyển giao quyền tác giả, hoặc là người ký hợp đồng sáng tác với tác giả, hoặc là các cơ quan nhà nước, hoặc là các chủ thể sử dụng quyền tác giả thuộc các trường hợp được pháp luật cho phép.

2.2.1.4. Xác định địa điểm thực hiện hành vi vi phạm

Trong mục này tác giả trình bày cách thức xác định địa điểm thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả là như thế nào. Chỉ khi hành vi vi phạm được thực hiện trong phạm vi lãnh thổ là nơi tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả, thì mới bị coi là hành vi làm giả mạo quyền tác giả. Địa điểm thực hiện hành vi vi phạm được xác định theo đơn vị biên giới trên đất liền, biên giới trên biển và trên không của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi đối tượng quyền tác giả được bảo hộ theo như quy định của Luật SHTT hoặc các Điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên.

2.2.2. Hàng hóa giả mạo về quyền liên quan

2.2.2.1. Xác định đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi bảo hộ quyền liên quan

Trong mục này, tác giả phân tích và đưa ra các ví dụ minh họa để xác định đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi bảo hộ quyền liên quan là như thế nào. Để xác định được việc này, cần phải dựa vào các căn cứ sau đây:

- *Về đối tượng quyền liên quan được bảo hộ.* Đối tượng quyền liên quan được bảo hộ phải là những đối tượng được bảo hộ quyền liên quan được quy định trong các văn bản pháp luật về SHTT.

- *Về không gian bảo hộ quyền liên quan:* Không gian bảo hộ quyền liên quan được xác định theo đơn vị quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi tác đối tượng quyền liên quan được bảo hộ theo như quy định của Luật SHTT và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- *Về phạm vi thời gian bảo hộ quyền liên quan.* Theo quy định của Luật SHTT, thời gian bảo hộ quyền liên quan bao gồm thời gian bảo hộ quyền nhân thân và thời gian bảo hộ quyền tài sản. Tuy nhiên, chỉ có các quyền tài sản mới có thể là đối tượng bị làm giả mạo.

2.2.2.2. Xác định yếu tố giả mạo quyền liên quan

Trong mục này tác giả phân tích căn cứ xác định yếu tố giả mạo quyền liên quan là như thế nào. Yếu tố nào thì bị coi là yếu tố giả mạo quyền liên quan, yếu tố nào chỉ bị coi là yếu tố xâm phạm quyền liên quan.

Theo quy định, chỉ có các sản phẩm là bản sao bản định hình cuộc biểu diễn, bản sao bản ghi âm, ghi hình, bản sao chương trình phát sóng được tạo ra một cách trái phép; và một phần hoặc toàn bộ cuộc biểu diễn đã được định hình, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng bị sao chép, trích ghép trái phép; một phần hoặc toàn bộ chương trình phát sóng bị thu, giải mã và phân phối trái phép, mới được coi là hàng hóa giả mạo về quyền liên quan. Các trường hợp còn lại chỉ bị coi là hàng hóa xâm phạm quyền liên quan.

2.2.2.3. Xác định chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền liên quan

Trong mục này, tác giả trình bày và phân tích cách thức xác định chủ thể thực hiện hành vi vi phạm. Các chủ thể này không bao gồm các chủ thể sau đây: người sử dụng hợp pháp quyền liên quan hoặc chủ thể được chủ sở

hữu quyền liên quan chuyển giao quyền sử dụng quyền liên quan; người sử dụng quyền liên quan thuộc các trường hợp được pháp luật cho phép.

2.2.2.4. Xác định địa điểm thực hiện hành vi vi phạm

Trong mục này tác giả trình bày cách thức xác định địa điểm thực hiện hành vi xâm phạm quyền liên quan. Chỉ khi hành vi vi phạm được thực hiện trong phạm vi lãnh thổ là nơi đối tượng được bảo hộ quyền liên quan, thì mới bị coi là hành vi làm giả mạo quyền liên quan. Địa điểm thực hiện hành vi vi phạm được xác định theo đơn vị biên giới trên đất liền, biên giới trên biển và trên không của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi đối tượng quyền tác giả được bảo hộ theo như quy định của Luật SHTT hoặc các Điều ước quốc tế về quyền liên quan mà Việt Nam là thành viên.

2.2.3. Hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý

2.2.3.1. Xác định đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý

Trong mục này tác giả phân tích việc xác định đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý là như thế nào. Để xác định được việc này cần phải dựa trên các căn cứ sau đây:

- Nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý dùng làm căn cứ xem xét phải là những đối tượng SHTT đã được bảo hộ bằng một quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Cục SHTT. Ngoại trừ đối tượng là nhãn hiệu nổi tiếng.

- Nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý dùng làm căn cứ xem xét thuộc phạm vi lãnh thổ được bảo hộ. Lãnh thổ bảo hộ được xác định theo đơn vị quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ.

- Nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý dùng làm căn cứ xem xét đang nằm trong thời gian bảo hộ, chưa bị chấm dứt hoặc chưa bị hủy bỏ hiệu lực.

2.2.3.2. Xác định yếu tố giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý

Trong mục này tác giả phân tích các căn cứ để việc xác định yếu tố giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý là như thế nào. Cụ thể như sau:

- *Xác định yếu tố giả mạo nhãn hiệu.* Căn cứ để xem xét yếu tố giả mạo đối với nhãn hiệu là phạm vi bảo hộ nhãn hiệu bao gồm mẫu nhãn hiệu và danh mục hàng hóa được xác định trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (nếu là nhãn hiệu quốc gia) hoặc Xác nhận đăng ký quốc tế nhãn hiệu được

bảo hộ tại Việt Nam (nếu là đăng ký quốc tế nhãn hiệu có chỉ định bảo hộ tại Việt Nam). Chỉ khi đáp ứng cả hai điều kiện về mẫu nhãn hiệu (phải trùng hoặc khó phân biệt) và danh mục sản phẩm (phải chính là sản phẩm được đăng ký), thì mới khẳng định được có yếu tố giả mạo nhãn hiệu. Trong trường hợp chỉ đáp ứng được một trong hai điều kiện nói trên, thì đó chỉ là yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu.

- *Xác định yếu tố giả mạo chỉ dẫn địa lý.* Căn cứ để xem xét yếu tố xâm phạm quyền hoặc yếu tố giả mạo đối với chỉ dẫn địa lý là phạm vi bảo hộ gồm mẫu chỉ dẫn địa lý và danh mục sản phẩm chỉ dẫn địa lý được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý hoặc trích lục Đăng bạ chỉ dẫn địa lý do Cục SHTT cấp. Chỉ khi đáp ứng được cả hai điều kiện về mẫu chỉ dẫn địa lý (phải trùng hoặc khó phân biệt) và danh mục sản phẩm (phải chính là sản phẩm được đăng ký), thì mới khẳng định được có yếu tố giả mạo chỉ dẫn địa lý. Trong trường hợp chỉ đáp ứng được một trong hai điều kiện nói trên, thì đó chỉ là yếu tố xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý.

2.2.3.3. Xác định chủ thể thực hiện hành vi vi phạm

Trong mục này tác giả phân tích cách thức xác định chủ thể thực hiện hành vi giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý là như thế nào:

- Đối tượng xem xét là nhãn hiệu: không bao gồm các chủ thể sau đây: chủ thể là chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp nhãn hiệu; người sử dụng nhãn hiệu thuộc các trường hợp được pháp luật cho phép; ngoài trường hợp nêu trên, trường hợp chủ thể "sử dụng nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu nhãn hiệu đó đã đạt được sự bảo hộ một cách trung thực trước ngày nộp đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đó" cũng sẽ không bị coi là xâm phạm quyền SHTT.

- Đối tượng xem xét là chỉ dẫn địa lý: không bao gồm các chủ thể sau đây: chủ thể là chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp chỉ dẫn địa lý; người sử dụng chỉ dẫn địa lý thuộc các trường hợp được pháp luật cho phép.

2.2.3.4. Xác định địa điểm thực hiện hành vi vi phạm

Trong mục này, tác giả phân tích cách thức xác định địa điểm thực hiện hành vi làm giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý là như thế nào. Theo quy định

của Luật SHTT, chỉ khi hành vi đó xảy ra trong phạm vi lãnh thổ nơi nhân hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ mới bị coi là hành vi làm giả mạo nhân hiệu, chỉ dẫn địa lý. Địa điểm thực hiện hành vi làm giả mạo nhân hiệu, chỉ dẫn địa lý được hiểu là hành vi ấy được thực hiện trong phạm vi biên giới trên đất liền, biên giới trên biển và trên không - thuộc chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam. Ngoài ra, trong trường hợp hành vi xâm phạm quyền SHTT được thực hiện trên hệ mạng Internet, thì hành vi này sẽ được coi xảy ra tại Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam.

2.3. Xử lý hành vi làm giả mạo về sở hữu trí tuệ

2.3.1. Xử lý bằng biện pháp dân sự

Trong mục này, tác giả trình bày biện pháp dân sự là gì và phân tích các nội dung như là: một số ưu điểm và hạn chế của biện pháp dân sự; thẩm quyền xét xử của Tòa án; các chế tài áp dụng xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT; áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời; và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT.

2.3.1.1. Ưu điểm của biện pháp dân sự

Trong mục này, tác giả trình bày và phân tích các ưu điểm của biện pháp dân sự, cụ thể biện pháp này có một số ưu điểm như sau: phán quyết của Tòa án được đảm bảo thực hiện bởi sức mạnh cưỡng chế nhà nước; chủ sở hữu quyền SHTT có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; phán quyết của Tòa án có tác động mạnh về mặt tâm lý đối với bên vi phạm để hạn chế có sự tái phạm.

2.3.1.2. Một số hạn chế, bất cập của biện pháp dân sự

Trong mục này tác giả phân tích một số bất cập và hạn chế của biện pháp dân sự, và nêu ra những nguyên nhân dẫn đến các hạn chế này. Theo tác giả biện pháp dân sự có một số hạn chế như sau: thời gian giải quyết kéo dài; còn thiếu các biện pháp khẩn cấp tạm thời hữu hiệu; năng lực giải quyết các vụ án của tòa còn hạn chế; việc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT gây ra có nhiều khó khăn.

2.3.1.3. Thẩm quyền xét xử của Tòa án

Trong mục này, tác giả nêu và phân tích thẩm quyền của Tòa án trong việc xét xử các hành vi xâm phạm quyền SHTT theo như quy định của

BLTTDS sửa đổi, bao gồm thẩm quyền theo cấp xét xử, thẩm quyền theo lãnh thổ, và thẩm theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu.

2.3.1.4. Các chế tài áp dụng xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Trong mục này tác giả phân tích các chế tài có thể áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT bằng biện pháp dân sự. Cụ thể khi chủ thể quyền SHTT áp dụng biện pháp này để xử lý hành vi làm giả mạo hàng hóa về SHTT, có thể yêu cầu Tòa án áp dụng một hoặc tất các các biện pháp sau đây: buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; buộc xin lỗi, cải chính công khai; buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; buộc bồi thường thiệt hại; buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền SHTT với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền SHTT.

2.3.1.5. Áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời

Trong mục này, tác giả phân tích các điều kiện để chủ thể quyền SHTT khi khởi kiện hoặc sau khi khởi kiện có thể yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó là như thế nào. Theo Luật SHTT, các biện pháp này có thể được áp dụng khi: đang có nguy cơ xảy ra thiệt hại không thể khắc phục được cho chủ thể quyền SHTT; hoặc hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT hoặc chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm quyền SHTT có nguy cơ bị tẩu tán hoặc bị tiêu hủy nếu không được bảo vệ kịp thời.

2.3.1.6. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Trong mục này tác giả phân tích nguyên tắc xác định thiệt hại và các căn cứ xác định thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT là như thế nào. Cách thức xác định thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần.

2.3.2. Xử lý bằng một số biện pháp khác

2.3.2.1. Biện pháp hành chính

Trong mục này tác giả trình bày biện pháp hành chính là gì và phân tích các nội dung chính của biện pháp này như là nêu ra một số ưu điểm và hạn chế của việc xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT bằng biện pháp hành

chính; cách thức chuẩn bị hồ sơ để nộp cho cơ quan chức năng để yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT. Thẩm quyền giải quyết yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT.

2.3.2.2. *Biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*

Trong mục này tác giả phân tích các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục và thẩm quyền áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như là: trình tự và thủ tục nộp đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hải quan; trình tự thủ tục và điều kiện yêu cầu cơ quan Hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT. Thời hạn để cơ quan Hải quan giải quyết các yêu cầu nói trên của chủ thể quyền SHTT.

2.3.2.3. *Biện pháp hình sự*

Trong mục này, tác giả trình bày biện pháp hình sự là gì và phân tích các quy định của pháp luật về những hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với quyền tác giả, quyền liên quan bị truy cứu trách nhiệm hình sự và những hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đồng thời tác giả cũng phân tích các điều kiện và căn cứ để có thể áp dụng biện pháp hình sự để xử lý hành vi sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về SHTT.

Chương 3

THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

3.1. Thực trạng hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam

3.1.1. Số lượng vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Trên cơ sở đánh giá các số liệu thống kê về các vụ việc xâm phạm quyền SHTT của các cơ quan chức năng, tác giả đưa ra nhận định số lượng vụ việc xâm phạm về SHTT ngày càng gia tăng.

3.1.2. Tính chất và mức độ vi phạm

Trên cơ sở xem xét các ý kiến nhận định của các cơ quan thực thi pháp luật, tác giả đưa ra nhận định các hành vi xâm phạm quyền SHTT được thực

hiện bằng nhiều phương thức, thủ đoạn mới như áp dụng công nghệ cao, sử dụng các thiết bị hiện đại để sản xuất hàng hóa làm cho người tiêu dùng và cơ quan quản lý thị trường khó phát hiện đâu là hàng thật, đâu là hàng giả.

Chủ thể của tội phạm hầu hết là những người có điều kiện kinh tế, trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề cao, am hiểu những lĩnh vực mình đang quản lý, một số người còn có chức vụ, quyền hạn nhất định.

3.1.3. Thực trạng xử lý vi phạm

Trong mục này, tác giả đánh giá thực trạng xử lý các vụ việc vi phạm quyền SHTT cho thấy, hiện nay hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền SHTT rất đa dạng, từ mặt hàng có giá trị thấp đến mặt hàng có giá trị cao, từ mặt hàng đơn giản đến những mặt hàng có công nghệ cao... Các tỉnh, thành phố có nhiều hàng hóa vi phạm quyền SHTT nhiều chủ yếu là ở các tỉnh, thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Lạng sơn...

3.2. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày càng gia tăng

Trong mục này tác giả đưa ra nhận định: có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến tình trạng vi phạm quyền SHTT, trong đó có các nguyên nhân: do mục đích lợi nhuận từ loại hàng hóa giả mạo về SHTT; do các chủ sở hữu quyền SHTT chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của tài sản SHTT; do hệ thống các quy định của pháp luật về lĩnh vực SHTT còn chưa đồng bộ; do ảnh hưởng từ quá trình hội nhập kinh tế; do các cơ quan có trách nhiệm đấu tranh với các hành vi xâm phạm quyền SHTT còn thiếu đồng bộ và chồng chéo.

3.3.3. Kiến nghị hoàn thiện một số quy định của pháp luật liên quan đến xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong đó bao gồm cả những quy định về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ

Tác giả luận văn kiến nghị hoàn thiện một số quy định của pháp luật liên quan đến xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong đó bao gồm cả những quy định về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ, bao gồm:

3.3.1. Kiến nghị thứ nhất, cần có những quy định cụ thể hơn về hàng hóa giả mạo về SHTT và hàng hóa xâm phạm quyền SHTT

3.3.2. Kiến nghị thứ hai, cần có hướng dẫn về việc bãi bỏ điều kiện gửi thư cảnh báo đến bên có hành vi vi phạm trong nghị định hoặc thông tư

Formatted: Bullets and Numbering

3.3.3. Kiến nghị thứ ba, cần có những quy định cụ thể hơn nữa trong việc xác định thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra

3.3.4. Kiến nghị thứ tư, quy định trách nhiệm rõ ràng giữa các cơ quan thực thi pháp luật

3.3.5. Kiến nghị thứ năm, cần thành lập Tòa án chuyên trách về sở hữu trí tuệ

KẾT LUẬN

Nạn sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói chung, hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng là một quốc nạn không chỉ riêng một quốc gia nào phải đối mặt và giải quyết, nó tồn tại ở hầu khắp các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Công cuộc đấu tranh chống tệ nạn sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói chung, hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng đòi hỏi tốn kém nhiều thời gian, công sức và chi phí cho cả các cơ quan thực thi pháp luật của nhà nước và cho cả các chủ thể quyền SHTT. Trong quá trình đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), chắc chắn, thực thi quyền SHTT cũng là một trong những cam kết mà Nhà nước ta đã cam kết sẽ thực hiện qua đó góp phần tạo ra một môi trường thật sự trong sạch và lành mạnh về SHTT cho các nhà đầu tư. Việc ban hành Luật SHTT năm 2005, và một loạt các văn bản dưới luật nhằm hướng dẫn thi hành luật này sau đó cũng đã được ban hành là một trong những cam kết đầu tiên mà nhà nước ta đã thực hiện thành công. Công việc tiếp đến mà nhà nước ta cần phải thực hiện đó là hoàn thiện hơn hệ thống các quy định của pháp luật về lĩnh vực SHTT để cùng với các chủ sở hữu và chủ sử dụng hợp pháp quyền SHTT có thể thực hiện thành công việc đấu tranh chống lại các hành vi sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, hàng hóa giả mạo về SHTT.

Qua công tác thống kê cho thấy, hầu hết các tài sản SHTT thuộc về các doanh nghiệp. Theo đó, các doanh nghiệp cũng cần phải nâng cao kiến thức pháp luật về SHTT cũng như đánh giá đúng được vai trò và tầm quan trọng của loại tài sản SHTT để có kế hoạch và các biện pháp thích hợp để bảo vệ một cách tốt nhất các quyền SHTT của mình, tránh bị các chủ thể khác lợi

dụng. Trong trường hợp phát hiện ra có hành vi xâm phạm quyền SHTT, thì các doanh nghiệp cũng cần phải tích cực và chủ động đấu tranh để có thể xử lý triệt để và kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về quyền SHTT.

Hành vi xâm phạm quyền SHTT không chỉ làm thiệt hại cho chủ sở hữu mà còn gây thiệt hại cho hàng loạt các nhà sản xuất, người tiêu dùng và cho nền kinh tế của một quốc gia. Do đó, bên cạnh các cơ quan nhà nước cùng như các chủ sở hữu và người sử dụng hợp pháp quyền SHTT, thì người tiêu dùng cũng cần nâng cao ý thức trách nhiệm của mình trong việc phát hiện và tố cáo kịp thời các hành vi vi phạm quyền SHTT qua đó cũng góp phần chung sức cùng với các cơ quan nhà nước, các chủ thể quyền SHTT có thể tạo ra một môi trường kinh doanh thật sự lành mạnh về SHTT.

Do SHTT chưa phải là nội dung có lịch sử lâu dài ở Việt Nam và Việt Nam cũng là một quốc gia có nền kinh tế đang phát triển nên việc phải đối mặt với nạn sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền SHTT, hàng hoá giả mạo về SHTT cũng là một vấn đề buộc phải đối mặt để giải quyết. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài này làm luận văn tốt nghiệp, tác giả mong muốn sẽ góp một phần nhỏ bé vào công việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT để đưa đất nước Việt Nam có thể đáp ứng nhu cầu của quá trình hội nhập và những đòi hỏi của tình hình hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

Cùng với các lĩnh vực khác của nền kinh tế, đối với lĩnh vực SHTT Việt Nam vẫn đang trong bối cảnh từng bước cố gắng để hội nhập với nền kinh tế toàn cầu. Do vậy, việc xây dựng thành công một hệ thống pháp Luật SHTT thực sự hoàn thiện cũng như thực thi tốt các quyền SHTT của các chủ thể quyền SHTT là một nhiệm vụ không hề đơn giản, đòi hỏi phải có thời gian cũng như sự đúc rút kinh nghiệm từng bước. Mặc dù tác giả đã cố gắng hết sức để luận văn của mình có thể được hoàn thành một cách tốt nhất nhưng chắc chắn luận văn này không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định. Do vậy, tác giả luận văn mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các nhà nghiên cứu, các chuyên gia... để luận văn có thể được hoàn thiện tốt hơn cũng như có những định hướng mới cho những công trình nghiên cứu tiếp theo của tác giả.